

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24-7-2018

V/v: “Ly hôn, con chung giữa
chị L và anh K”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình

Ông Trần Tiến Sử

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị Trần Thị L vắng mặt anh Trần Văn K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 05 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Trần Văn K cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 27-6-1991 tại UBND xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị L và anh K chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh K ở xóm 11, xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, vợ chồng đều làm ruộng, anh K còn có nghề phụ đi làm thợ xây, năm 2002 chị L đưa con đến tỉnh Lào Cai làm ăn cùng với anh K, đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn kinh tế không thuận lợi, bị thua lỗ. Anh K ăn chơi, cờ bạc, chị L nghi ngờ anh không chung thủy, anh K có hành vi đánh đập chửi bới chị. Trong thời gian vừa qua do tính tình và quan điểm sống

không hòa hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, anh K thường xuyên uống rượu say xua không làm chủ được bản thân, tính tình nóng nảy hay lăng mạ chị L, vợ chồng sống ly thân được hơn bốn tháng. Nay chị L xét thấy tình cảm giữa chị và anh K không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng, vợ chồng không thể về chung sống đoàn tụ với nhau nên chị L vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Trần Văn K trình bày: Về thời gian thời gian kết hôn, quá trình chung sống như vậy là hoàn toàn sự thật đúng như anh Trần Văn K trình bày. Năm 1998 anh K đi làm thợ xây ở thành phố Lào Cai, đến năm 2003 chị L đưa con đến làm cùng anh K được mấy năm chị L chuyển đến Hà Giang buôn bán hoa quả sau đó chị L về quê mở quán bán hàng ăn tại thị trấn Yên Định. Trong quá trình chung sống, thời gian những năm đầu vợ chồng vẫn chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, khi chị L chuyển đến Hà Giang làm ăn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, anh K nghi ngờ chị L không chung thủy, vợ chồng có xảy ra xô sát đánh, cãi chửi nhau làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc, thời gian gần đây chị L hay cáu gắt. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, ý kiến của anh K cũng nhất trí ly hôn vì anh nghi ngờ chị L không chung thủy, anh không còn tin tưởng vào tình cảm của chị L.

Về quan hệ nuôi con: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K đều trình bày vợ chồng có hai con chung con lớn Trần Duy D, sinh ngày 09-3-1993, hiện nay đã đến tuổi trưởng thành và tự lập được, con nhỏ Trần Văn B, sinh ngày 02-4-2001 đã học xong lớp 10 trường phổ thông trung học số 3, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn nguyện vọng của chị L xin được nuôi dưỡng chăm sóc con nhỏ Trần Văn B, chị L không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mà để anh tự đi lại thăm nom và có trách nhiệm với con. Anh K đồng ý để cho chị L nuôi dưỡng con nhỏ, anh sẽ có trách nhiệm đi lại thăm nom, chăm sóc con.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K đều trình bày: Trước khi ly hôn, chị L và anh K đã tự thương lượng thỏa thuận giải quyết với nhau xong. Vợ chồng anh, chị không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Anh Trần Văn K vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn K đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng

mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 27-6-1991 tại UBND xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn K là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, làm ăn kinh tế bị thua lỗ, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát đánh, cãi chửi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay được hơn 4 tháng.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn K là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được chị L xin ly hôn, anh K cũng đồng ý nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị L và anh Trần Văn K có hai con chung cháu Trần Duy D, sinh ngày 09-3-1993, cháu Trần Văn B, sinh ngày 02-4-2001. Hiện nay cháu D đang đi Công an nghĩa vụ, cháu B đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn cháu D đã đến tuổi trưởng thành và tự lập được nên cháu làm gì và ở với ai là quyền của cháu, chị L và anh K không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không cần đề cập giải quyết, còn đối với cháu B nguyện vọng của chị L xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, anh K tôn trọng nguyện vọng của cháu B xin ở với chị L anh cũng đồng ý, anh nhận trách nhiệm sẽ đi lại thăm nom, chăm sóc con. Xét yêu cầu của chị L về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu B thì thấy hiện nay anh K đang đi làm ăn xa, thường xuyên phải xa nhà trong thời gian vừa qua chị L là người có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B, bản thân cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L, anh K cũng đồng ý để cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu B nên khi ly hôn cần giao cháu B cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng chị Trần Thị L và anh Trần Văn K đều trình bày: Vợ chồng chị L và anh K đã tự thương lượng, thỏa thuận giải quyết với nhau xong, vợ chồng chị L và anh K không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng nên khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản chung và công nợ của chị L, anh K Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Văn B, sinh ngày 02-4-2001 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trần Văn K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002491 ngày 10-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã T: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

